| | |
|---|---|
| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>QUẬN CR<br>THÀNH PHỐ CẦN THƠ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
| Số: 20/2020/QĐST - HNGĐ | *CR, ngày 01 tháng 7 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CR

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
Căn cứ vào các Điều 55 và 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân thụ lý số: 131/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân:

Ông **Phạm Văn N**, sinh năm: 1992.

Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Số 184C, khu vực PT, phường TP, quận CR, TPCT.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Cả ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị T đã trình bày ý kiến và thống nhất không đoàn tụ. Việc này được Tòa án ghi nhận và lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23/6/2020.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 23/6/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị T thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Có 02 con chung là cháu Phạm Gia B (nam), sinh ngày 27/12/2011 và Phạm Gia H (nam), sinh ngày 11/12/2013. Thống nhất giao 02 con chung là cháu B và cháu H cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông N tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi cháu 750.000đồng/01tháng (tổng cộng 02 cháu là 1.500.000đồng/tháng) đến khi cháu B và cháu H đủ 18 tuổi.

*Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông N, không ai được quyền cản trở theo quy định của pháp luật.*

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

- *Về các vấn đề khác*: không có.

2. Về lệ phí tòa án: Ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mỗi người đã nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 006058 và biên lai số 006057 ngày 18/5/2020. Ông N và bà T mỗi người được nhận lại 150.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự quận CR, TPCT.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Thẩm phán**

*Nơi nhận*:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân TPCT;
- VKSND Q. CR;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**Huỳnh Thị Kim Xuân**